

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt.

Phương pháp đánh giá:

Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt;

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt. E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 thì được đánh giá là không đạt.

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật theo tiêu chí đạt/không đạt

1. Yêu về vật liệu xây dựng:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|-----|
| Đối với các vật tư, vật liệu chính: Xi măng, đá dăm các loại, cát, đá lát vỉa hè | Đáp ứng tất cả các tiêu chí dưới đây được đánh giá là Đạt: - Có cam kết tất cả hàng hóa và vật tư được sử dụng trong công trình đều mới, chưa từng qua sử dụng, thuộc thể hệ mới nhất; - Có Bảng liệt kê danh sách vật tư, vật liệu chủ yếu, gồm tối thiểu các vật liệu: Xi măng, đá dăm các loại, cát, đá lát vỉa hè. Trong đó thể hiện rõ: Chung loại, xuất xứ; nguồn cung cấp, dự kiến khối lượng sử dụng trong gói thầu. - Là đơn vị sản xuất hoặc cung ứng hoặc có hợp đồng nguyên tắc từ Nhà sản xuất/ Nhà cung cấp vật liệu, trong đó dự kiến khối lượng các loại vật liệu mà nhà sản xuất hoặc nhà cung ứng sẽ cung ứng cho nhà thầu, tiến độ và khối lượng cung ứng vật liệu hàng tháng cho gói thầu phù hợp với tiến độ thi công của nhà thầu (Nhà sản xuất, nhà cung ứng phải có đầy đủ hồ sơ pháp lý hợp lệ theo quy định kèm theo). - Các yêu cầu kỹ thuật của vật liệu sử dụng cho gói thầu: Nêu rõ Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng hiện hành, các thông số kỹ thuật chính phù hợp với Quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành; biện pháp đảm bảo chất lượng vật liệu. | Đạt |

| | | |
|-----------------|---|-----------|
| | Không đáp ứng một trong các các tiêu chí nêu trên | Không đạt |
| Kết luận | Tiêu chí trên được xác định là đạt. | Đạt |
| | Tiêu chí trên được xác định là không đạt. | Không đạt |

2. Giải pháp kỹ thuật:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|--|------------------|
| Giải pháp kỹ thuật thi công các hạng mục công việc thuộc gói thầu | Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với hiện trạng, biện pháp thi công, tiến độ thi công | Đạt |
| | Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp | Không đạt |
| Kết luận | Tiêu chí trên được xác định là đạt | Đạt |
| | Tiêu chí trên được xác định là không đạt | Không đạt |

3. Biện pháp tổ chức thi công:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|--|------------------|
| 3.1. Biện pháp tổ chức thi công các hạng mục công việc thuộc gói thầu | <i>Đáp ứng tất cả các tiêu chí dưới đây được đánh giá là Đạt:</i> - Có biện pháp tổ chức thi công tổng thể: Hợp lý, khả thi, phù hợp với biểu tiến độ thi công. - Có biện pháp tổ chức thi công chi tiết từng hạng mục công trình, trong mỗi hạng mục trình bày rõ: Quy chuẩn, Tiêu chuẩn áp dụng hiện hành trong thi công và nghiệm thu, biện pháp thi công chi tiết, các thông số kiểm tra, nghiệm thu trong quá trình thi công; sai số cho phép trong quá trình kiểm tra, nghiệm thu. Các nội dung phải đúng quy định, khả thi, phù hợp với gói thầu. - Có bản vẽ thi công chi tiết, phù hợp với thuyết minh biện pháp tổ chức thi công. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 3.2. Biện pháp đảm bảo an toàn giao thông | Có biện pháp đảm bảo an toàn giao thông và hợp lý, khả thi | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| Kết luận | Tiêu chí 3.1 và 3.2. được xác định là đạt | Đạt |
| | Có ≥ 1 tiêu chí chi tiết được xác định là không đạt | Không đạt |

4. Tiến độ thi công:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|------------------------------------|---|------------------|
| 4.1. Thời gian thi công công trình | Nhà thầu đề xuất thi công hoàn thành toàn bộ công trình trong thời gian ≤ 120 ngày, phù hợp với biểu tiến độ thi công và biện pháp tổ chức thi công | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 4.2. Biểu đồ tiến độ thi công | - Biểu tiến độ thi công gồm biểu tiến độ cho các hạng mục công việc chính theo thời gian, biểu sơ đồ xe máy chính cần phải huy động; biểu sơ đồ nhân lực. - Biểu đồ lập theo sơ đồ ngang, đơn vị thời gian là tháng (chia theo tuần hoặc ngày). Trên đường biểu diễn tiến trình của từng loại công việc phải ghi rõ số lượng máy móc thiết bị chính và số lượng nhân công huy động. - Biểu tiến độ thi công phù hợp, khả thi với biện pháp thi công | Đạt |
| | Không đáp ứng các yêu cầu trên | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chí chi tiết 4.1, 4.2 được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có ≥ 1 tiêu chí chi tiết được xác định là không đạt | Không đạt |

5. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|---|-----------|
| 5.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công | Có biện pháp bảo đảm chất lượng cho từng hạng mục thi công và hợp lý, khả thi. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 5.2. Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng | Nhà thầu phải có phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng hoặc hợp đồng nguyên tắc với đơn vị được cấp phép hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, để thực hiện các công tác thí nghiệm cần thiết đảm bảo chất lượng công trình (Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm kèm theo). | Đạt |
| | Không đáp ứng các yêu cầu trên | Không đạt |

| | | |
|-----------------|---|------------------|
| Kết luận | Cả 2 tiêu chí chi tiết 5.1, 5.2 đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có ≥ 1 tiêu chí chi tiết được xác định là không đạt | Không đạt |

6. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|------------------------------------|---|------------------|
| 6.1. An toàn lao động | | |
| Biện pháp đảm bảo an toàn lao động | Có đề xuất biện pháp đảm bảo an toàn lao động chung tại công trường và biện pháp đảm bảo an toàn lao động cho từng hạng mục thi công. Nhà thầu đề xuất hợp lý, khả thi, phù hợp với biện pháp tổ chức thi công. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 6.2. Phòng cháy, chữa cháy | | |
| Biện pháp phòng cháy, chữa cháy | Có đề xuất biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 6.3. Vệ sinh môi trường | | |
| Vệ sinh môi trường | Có đề xuất các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường, nêu giải pháp cụ thể, phù hợp, khả thi | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| Kết luận | Cả 3 tiêu chí chi tiết 6.1, 6.2, 6.3 được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có ≥ 1 tiêu chí chi tiết được xác định là không đạt | Không đạt |

7. Bảo hành và uy tín của nhà thầu:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|-------------------------|--|------------|
| 7.1. Bảo hành | | |
| | Có cam kết thời gian bảo hành công trình tối thiểu là 01 năm sau khi công trình hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng | Đạt |

| | | |
|---|--|-----------|
| Thời gian bảo hành công trình | Không có cam kết thời gian bảo hành công trình hoặc có cam kết nhưng không đảm bảo thời gian theo yêu cầu | Không đạt |
| 7.2. Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu | | |
| Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu | <p>a) Nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 3 lần giá trị yêu cầu cho gói thầu này khi có các hành vi vi phạm tính Từ ngày 01/1/2022 đến nay như sau:</p> <p>b) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời đối chiếu tài liệu;</p> <p>c) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo Hợp đồng (nếu có) hoặc đã tiến hành nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản thương thảo hợp đồng trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời vào thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 45 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025;</p> <p>d) Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu nhưng không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung hoặc không ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025;</p> <p>e) Nhà thầu đã ký thỏa thuận khung nhưng không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng hoặc không ký kết hợp đồng;</p> <p>f) Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất;</p> <p>g) Nhà thầu không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của chủ đầu tư hoặc không nộp tiền mặt, séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định của pháp luật về đấu thầu;</p> <p>h) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng;</p> <p>i) Nhà thầu từ chối hoặc không xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày chủ đầu tư mời nhà thầu xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trên Hệ thống mạng</p> | Đạt |

| | | |
|---|--|------------------|
| | <p>đầu thầu quốc gia hoặc đã trúng thầu nhưng không thực hiện theo cam kết trong đơn dự thầu đối với chào giá trực tuyến rút gọn;</p> <p>j) Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu để thực hiện gói thầu xây lắp, PC, phần xây lắp trong gói thầu EC theo cam kết trong đơn dự thầu đối với đầu thầu trong nước;</p> | |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 7.3. Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện hợp đồng | | |
| Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện hợp đồng | <p>Đáp ứng tất cả các tiêu chí dưới đây được đánh giá là đạt</p> <p>a) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu</p> <p>b) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay) thi công chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu.</p> <p>c) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay) vi phạm hợp đồng dẫn đến chấm dứt hợp đồng;</p> <p>d) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay) cung cấp hàng hóa thiết bị không đảm bảo chất lượng, không đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu.</p> | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| Kết luận | Tiêu chí chi tiết 7.1; 7.2 và 7.3 được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có ≥ 1 tiêu chí chi tiết được xác định là không đạt | Không đạt |

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt. E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.